

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3777/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án **dân sự** thụ lý số 663/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “**Tranh chấp Ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5703/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6331/2022/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Minh T, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Số 1/12 Linh Đông, tổ 8, khu phố 7, phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Số 34/10 Man Thiện, Tổ 9, khu phố 1, phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2022 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện tìm hiểu, năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ủy ban nhân dân phường X, quận X (nay là thành phố X), Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, năm 2018 vợ chồng cãi vã và đã ly thân. Nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nên **ông T** yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai ông bà có 01 con chung tên Trần Ngọc Bảo T (nữ), sinh ngày 12/01/2007. Ly hôn ông Trần Minh T giao con chung tên Trần Ngọc Bảo T cho **bà Nguyễn Thị Ngọc B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa;

[1] **Nguyên đơn** ông Trần Minh T: Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

[2] Đối với bị đơn **bà Nguyễn Thị Ngọc B**: Quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cho đến hôm nay, tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và không bổ sung gì thêm. Đối với bị đơn đã được tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến và trong phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có mặt. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử **chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa **ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc B** phát sinh từ quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình và bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn **ông Trần Minh T** có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn **bà Nguyễn Thị Ngọc B** vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt **đương sự**.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ông Trần Minh T**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Minh T yêu cầu ly hôn với **bà Nguyễn Thị Ngọc B**.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa **ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc B** là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn **số 132** do Ủy ban nhân dân phường X, Quận X (nay là thành phố X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2006. Theo nguyên đơn thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa **nguyên đơn và bị đơn** bắt đầu từ năm 2018 do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, năm 2018 ông bà đã ly thân đến nay. Nay ông bà không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. **Nguyên đơn** yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với **bà Nguyễn Thị Ngọc B** để ổn định cuộc sống.

Đối với ý kiến của bị đơn **bà Nguyễn Thị Ngọc B**: Bị đơn được tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện và Các tài liệu chứng cứ và Lời trình bày của nguyên đơn tại Bản tự khai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa **nguyên đơn và bị đơn** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của **ông Trần Minh T** phù hợp với giấy khai sinh **số 37 ngày 26/01/2007** Ủy ban nhân dân phường X, quận X (nay là thành

phố X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Trần Ngọc Bảo T (nữ), sinh ngày 12/01/2007. Ly hôn nguyên đơn giao con chung tên Trần Ngọc Bảo T cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét, thực tế từ khi vợ chồng ly thân đến nay bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trần Ngọc Bảo T, do về thời gian đưa đón trẻ đi học và việc chăm sóc cho trẻ thuận tiện, hơn nữa ý kiến của trẻ cũng mong muốn được sống với mẹ. Để cho trẻ có điều kiện phát triển tốt hơn nên nguyên đơn tự nguyện giao trẻ Trần Ngọc Bảo T cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sự tự nguyện này là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con tên Trần Ngọc Bảo T. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức và trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện, bị đơn được tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[2.4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc B.

1.2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Bảo T (nữ), sinh ngày 12/01/2007.

Giao con chung tên **Trần Ngọc Bảo T (nữ)**, sinh ngày 12/01/2007 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trần Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (**Ba trăm ngàn**) đồng, **ông Trần Minh T** phải chịu, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (**Ba trăm ngàn**) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0026278 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. X;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP. X;
- Cơ quan đã thực **hiện việc ĐKKH**;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Loan

